TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2017/HNGĐ - ST.
Ngày: 21/8/2017.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành.
Bà Bùi Thị Lệ Quyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Hôm nay, ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 130/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim H - Sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp VP, xã VT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Văn Đ - Sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp VP, xã VT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2017, bản tự khai ngày 06 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Đ quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2004 và đăng ký kết hôn tại UBND xã VT vào ngày 12/9/2006. Sau khi cưới bà và ông Đ chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không quan tâm, bỏ bê vợ con từ đó dẫn tới cự cãi thường xuyên. Từ đầu năm 2011, bà và ông Đ đã sống ly thân cho đến nay. Từ đó cho đến nay mạnh ai nấy sống, không có trao đổi gì nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Nhận thấy hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Đ có một người con chung là Hồ Trung H, sinh ngày: 06/9/2007, hiện tại người con này đang sống với bà H, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà H khai không có.

Tại đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt ngày 31 tháng 7 năm 2017 bị đơn là ông Hồ Văn Đ trình bày:

Ông và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT vào ngày 12/9/2006. Ông và bà H chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân với bà H từ năm 2014 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được. Nay ông thống nhất thuận tình ly hôn với bà H.

Về con chung: có một người con chung như lời trình bày của bà H, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vì người con này đang sống cùng với mẹ là bà H.

Về tài sản chung: ông Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Đ khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đây là vụ kiện : *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là loại việc được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự . Bị đơn là ông Hồ Văn Đ có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Phú, xã VT, huyện CL, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 31/7/2017, ông Đ có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, bà H và ông Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT vào ngày 12/9/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Ông Đ cũng có văn bản trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông Đ là phù hợp.

Về con chung: bà H, ông Đ có một người con chung là Hồ Trung H, sinh ngày: 06/9/2007, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Ông Đ có văn bản thể hiện ý kiến là ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung do người con này đang sống cùng với bà H. Mặt khác theo biên bản hỏi ý kiến người con chung vào ngày 18/7/2017 thì người con chung thể hiện ý kiến là có nguyện vọng được sống với mẹ là bà H. Nên cần giao con cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông Đ thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí*:* bà H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Kim H và ông Hồ Văn Đ.

2/ Về con chung: Bà Lê Thị Kim H được quyền nuôi con chung là: Hồ Trung H, sinh ngày: 06/9/2007 (hiện tại cháu H đang sống chung với bà H). Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bà H và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Đ có quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông. Vì lợi ích của con chung sau này, bà H, ông Đ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông Đ thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị Kim H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023469 ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Hồ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho ông theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã VT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Văn Phận